

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
BUÔN MA THUỘT  
Số : 119/QĐ-YDBMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án/ Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

Căn cứ Quyết định số 1450/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Buôn Ma Thuột thành Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tuyển sinh.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Đề án/Thông tin tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột năm 2026.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- HĐT, BGH (để báo cáo);
- HĐTS, Phòng TS, QLĐT (thực hiện);
- Lưu: VT, TS, QLĐT.

  
GS.TS. Cao Tiên Đức

## ĐỀ ÁN/THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

(Ban hành theo Quyết định số 149/QĐ-YDBMT, ngày 23 tháng 3 năm 2026)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: BMU
3. Địa chỉ: Số 298 Hà Huy Tập, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.bmu.edu.vn>
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02623 98 66 88
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://bmu.edu.vn/de-an/thong-tin-tuyen-sinh>
7. Cổng thông tin điện tử: <https://bmu.edu.vn>.

### II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

#### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học phổ thông; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có nguyện vọng và nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định.

+ Có điểm xét tuyển đảm bảo ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định theo từng phương thức đăng ký xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026.

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Thí sinh là người nước ngoài:

+ Đã có văn bằng tương đương tốt nghiệp trình độ THPT của Việt Nam, có nguyện vọng và sức khỏe học tập tại Trường.

+ Có điểm xét tuyển đảm bảo ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường.

Có năng lực Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh phù hợp quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo và đáp ứng điều kiện đối với chương trình đào tạo của Trường.

## 2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

### 2.1. Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT.

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi bài thi môn ngoại ngữ đối được quy định tại Quy chế thi THPT, ban hành theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ mức độ năng lực của chứng chỉ ngoại ngữ của thí sinh, điểm quy đổi khi xét tuyển được tính theo thang điểm theo quy định của Trường được ban hành chi tiết tại thông tin tuyển sinh của Trường.

- Thí sinh được sử dụng điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế thi THPT và xét công nhận tốt nghiệp THPT các năm trước để tuyển sinh năm 2026.

a) Cách thức xét tuyển: Xét tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp của thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp có điểm cao nhất đã được quy định đối với ngành/chương trình đào tạo của Trường cộng với điểm ưu tiên theo quy định và được tính như sau:

+ Điểm xét tuyển = ĐM1 + ĐM2 + ĐM3 + Điểm ưu tiên, Trong đó:

+ ĐM1; ĐM2; ĐM3: Là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT của 03 môn tương ứng với 03 môn của tổ hợp xét tuyển, được làm tròn tới 02 chữ số thập phân.

+ Điểm ưu tiên (UT) = Điểm UT Đối tượng + Điểm UT Khu vực xác định theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm lệch của các tổ hợp xét tuyển là 0.

\* Thí sinh được xét tổ hợp môn có điểm cao nhất khi đăng ký xét tuyển.

b) Điều kiện xét trúng tuyển:

- Điểm xét tuyển  $\geq$  Ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2026.

- Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

- Cách thức xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành, nguyện vọng xét tuyển và điểm xét tuyển của thí sinh sẽ lập danh sách theo thứ tự thí sinh có điểm xét tuyển từ cao trở xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì được tính ưu tiên thí sinh đăng ký xét tuyển có thứ tự nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng được tính theo thứ tự cao nhất là nguyện vọng 1).

## 2.2. Xét tuyển điểm học bạ THPT.

**Điểm xét tuyển (ĐXT)** được tính trên tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong cả 3 năm học (lớp 10, 11, 12) THPT;

Điểm xét tuyển (ĐXT): =  $TBM_1 + TBM_2 + TBM_3 + \text{Điểm Ưu tiên}$

Trong đó:  $TBM_1 + TBM_2 + TBM_3$  Là điểm trung bình chung của 03 năm học (lớp 10, 11 và 12) của 03 môn học tương ứng trong tổ hợp xét tuyển.

Cách tính Điểm trung bình môn ( $TBM_n$ ):

Điểm trung bình của mỗi môn học ( $TBM_n$ ) dùng để xét tuyển được tính theo công thức:

$$TBM_n = \frac{\text{ĐTB cả năm lớp 10} + \text{ĐTB cả năm lớp 11} + \text{ĐTB cả năm lớp 12}}{3}$$

(Ghi chú:  $n$  tương ứng với môn 1, môn 2 hoặc môn 3 trong tổ hợp xét tuyển).

- + Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân (tính theo thang điểm 10).
- + Điểm ưu tiên (ƯT) = Điểm ƯT Đối tượng + Điểm ƯT Khu vực xác định theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.
- + Điểm lệch của các tổ hợp xét tuyển là 0.
- Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển sau khi quy đổi bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm.
- Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh, nguyện vọng xét tuyển và điểm xét tuyển của thí sinh, điểm trúng tuyển quy đổi tương đương sẽ lập danh sách xét tuyển theo thứ tự điểm xét tuyển của thí sinh từ cao trở xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì ưu tiên thí sinh đăng ký xét tuyển có thứ tự nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng được tính theo thứ tự cao nhất là nguyện vọng 1).

2.3. Xét tuyển bằng kết quả bài thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Tp. HCM hoặc Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức năm 2026

- Điểm xét tuyển: Là tổng điểm kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQG HCM hoặc ĐHQG Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức năm 2026 cộng với điểm ưu tiên theo quy định.

- Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển sau khi quy đổi bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm

- Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh, nguyện vọng xét tuyển và điểm xét tuyển của thí sinh, điểm trúng tuyển quy đổi tương đương sẽ lập danh sách xét tuyển theo thứ tự thí sinh có điểm xét tuyển từ cao trở xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì ưu tiên thí sinh đăng ký xét tuyển có thứ tự nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng được tính theo thứ tự cao nhất là nguyện vọng 1).

2.4. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026.

2.5. Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài: Xét điểm kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp tương đương THPT và điều kiện ngôn ngữ theo quy định đối với từng chương trình đào tạo.

### **3. Ngưỡng đầu vào và Quy đổi điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh**

#### **3.1. Ngưỡng đảm bảo đầu vào đối với xét điểm thi tốt nghiệp THPT**

Tổng điểm tổ hợp môn dùng để đăng ký xét tuyển không thấp hơn ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong năm tuyển sinh 2026 đối với nhóm ngành khoa học sức khỏe.

#### **3.2. Ngưỡng đảm bảo đầu vào đối với xét điểm học bạ THPT**

a. **Ngành Y Khoa, Y học Cổ truyền, Dược học:** Thí sinh có Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,5 trở lên theo thang điểm 10.

b. **Ngành Y Học dự Phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học:** Thí sinh có Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,5 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,5 trở lên.

c. **Ngành Y tế công cộng:** thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử

dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

### **3.3. Ngưỡng đảm bảo đầu vào đối với xét tuyển bằng kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQG Hồ Chí Minh hoặc ĐHQG Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức năm 2026**

- **Ngành Y Khoa, Y Học Cổ truyền:** Thí sinh có có Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên **hoặc** điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10.

+ Có kết quả bài thi ĐGNL theo đơn vị mà thí sinh đăng ký dự thi như sau: đạt 700/1200 điểm (ĐHQG HCM), 90/150 điểm (ĐHQG Hà Nội), và 20/30 điểm (ĐH Sư phạm Hà Nội) trở lên.

- **Ngành Dược học:** Thí sinh có có Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên **hoặc** điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10

+ Có kết quả bài thi ĐGNL theo đơn vị mà thí sinh đăng ký dự thi như sau: đạt 600/1200 điểm của ĐHQG HCM, 80/150 điểm của ĐHQG Hà Nội, và 18/30 điểm của ĐH Sư Phạm Hà Nội trở lên.

- **Ngành Y Học Dự Phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học:** Thí sinh có Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên

+ Có kết quả bài thi ĐGNL theo đơn vị dự thi như sau: đạt 500/1200 điểm (ĐHQG HCM, 60/150 điểm ĐHQG Hà Nội, và 16.5/30 điểm ĐH Sư Phạm Hà Nội) trở lên.

- **Ngành Y tế công cộng:** Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử

dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;

+ Có kết quả bài thi ĐGNL theo đơn vị mà thí sinh đăng ký dự thi như sau: đạt 500/1200 điểm (ĐHQG HCM), 60/150 điểm (ĐHQG Hà Nội), và 15/30 điểm (ĐH Sư Phạm Hà Nội) trở lên.

**3.4. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026.**

**3.5. Ngưỡng đảm bảo đầu vào đối với xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT Nước ngoài**

a) Đối với chương trình sử dụng Tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức trong đào tạo.

- Tốt nghiệp chương trình giáo dục trung học tại nước sở tại tương đương chương trình THPT tại Việt Nam.

- Có điểm trung bình/tốt nghiệp toàn khóa học tương đương THPT (GPA- Grade Point Average) đạt 6.5 điểm trở lên (quy đổi thang điểm 10).

- Năng lực Tiếng Anh:

+ Thí sinh thuộc các quốc gia sử dụng Tiếng Anh làm tiếng mẹ đẻ, hoặc đã tốt nghiệp trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học có chương trình đào tạo bằng tiếng Anh được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

+ Thí sinh không thuộc các trường hợp trên phải có chứng chỉ Tiếng Anh được công nhận trình độ tương đương IELTS 6.0 trở lên.

b) Đối với chương trình sử dụng Tiếng Việt.

- Tốt nghiệp chương trình giáo dục trung học tại nước sở tại tương đương chương trình THPT tại Việt Nam.

- Có điểm trung bình/tốt nghiệp toàn khóa học (GPA- Grade Point Average) đạt 6.5 điểm trở lên (quy đổi thang điểm 10).

- Năng lực Tiếng Việt:

+ Thí sinh đã đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được miễn yêu cầu về điều kiện tiếng Việt.

+ Thí sinh chưa đủ trình độ tiếng Việt để vào học chương trình chính thức bằng tiếng Việt thì phải học dự bị tiếng Việt 01 năm. Sau khi kết thúc khóa học dự bị, thí sinh phải tham

dự kiểm tra trình độ tiếng Việt, nếu đạt yêu cầu sẽ được chuyển vào học chương trình chính thức; nếu không đạt yêu cầu thì phải tiếp tục học bổ sung và dự đợt kiểm tra khác đến khi đạt yêu cầu và được cấp chứng chỉ để được chuyển vào học chương trình chính thức.

3.6. Quy đổi điểm xét tuyển ngoại ngữ tương đương đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT.

- Thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích.

- Điểm khuyến khích (điểm cộng) đối với chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ quốc tế được tính theo thang điểm từ 0 - 1,5 điểm

- Các chứng chỉ ngoại ngữ miễn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 được quy đổi căn cứ theo từng trình độ/thang điểm môn ngoại ngữ tương ứng khi sử dụng xét tuyển hoặc cộng điểm và được quy định tại **Phụ lục 1** (Ban hành kèm theo thông tin tuyển sinh 2026).

### 3.7. Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển

- Nhà trường công bố công khai quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển đối với từng phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026.

- Thời gian công bố bảng quy tắc quy đổi điểm tương đương dự kiến cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

## 4. Số lượng/Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

### 4.1 Ngành/chỉ tiêu dự kiến

TT	Tên ngành/ Chương trình đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Y Khoa	7720101	400 Chỉ tiêu
			120 (Chương trình đào tạo sinh viên quốc tế)
2	Y học cổ truyền	7720115	50
3	Y học dự phòng	7720110	50
4	Dược học	7720201	160
5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	50
6	Điều dưỡng	7720301	180
7	Y tế công cộng	7720701	25

#### 4.2. Phương thức xét tuyển/ tổ hợp xét tuyển

TT	Mã xét tuyển	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	100	Y khoa	7720101	520	<p>Xét điểm thi TN THPT năm 2026</p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>* Đối với nhóm tổ hợp 2;3, Thí sinh chỉ đủ điều kiện được xét tuyển khi có học môn Sinh trong chương trình THPT.</p>
2	200	Y khoa	7720101		<p>Xét điểm học bạ tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong cả 3 năm học (lớp 10, 11, 12) THPT.</p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>* Đối với nhóm tổ hợp 2;3 Thí sinh chỉ đủ điều kiện xét tuyển khi có học môn Sinh trong chương trình THPT.</p>
3	402	Y khoa	7720101		<p>Xét điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM, ĐHQG Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội (tổ hợp 3 môn Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Ngoại ngữ) tổ chức năm 2026.</p>
4	411	Y khoa	7720101		Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
	100	Y Học Cổ truyền	7720115	50	<p>Xét điểm thi TN THPT năm 2026</p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p>

TT	Mã xét tuyển	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
					<p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>* Đối với nhóm tổ hợp 2,3, Thí sinh chỉ đủ điều kiện được xét tuyển khi có học môn Sinh trong chương trình THPT.</p>
	200	Y Học Cổ truyền	7720115		<p><b>Xét điểm học bạ</b> tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong cả 3 năm học (lớp 10, 11, 12) THPT.</p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>* Đối với nhóm tổ hợp 2;3 Thí sinh chỉ đủ điều kiện xét tuyển khi có học môn Sinh trong chương trình THPT.</p>
	402	Y Học Cổ truyền	7720115		<p><b>Xét điểm bài thi ĐGNL</b> của ĐHQG HCM, ĐHQG Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội (tổ hợp 3 môn Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Ngoại ngữ) tổ chức năm 2026.</p>
	100	Y Học dự Phòng	7720110	50	<p><b>Xét điểm thi TN THPT năm 2026</b></p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p>

TT	Mã xét tuyển	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
					3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)* * Đối với nhóm tổ hợp 2;3, Thí sinh chỉ đủ điều kiện được xét tuyển khi có học môn Sinh trong chương trình THPT.
	200	Y Học dự Phòng	7720110		Xét điểm học bạ tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong cả 3 năm học (lớp 10, 11, 12) THPT. Tổ hợp xét tuyển: 1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ) 2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)* 3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)* * Đối với nhóm tổ hợp 2;3 Thí sinh chỉ đủ điều kiện xét tuyển khi có học môn Sinh trong chương trình THPT.
	402	Y Học dự Phòng	7720110		Xét điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM, ĐHQG Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội (tổ hợp 3 môn Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Ngoại ngữ) tổ chức năm 2026..
	411	Y Học dự Phòng	7720110		Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
5	100	Dược học	7720201	160	Xét điểm thi TN THPT năm 2026 Tổ hợp xét tuyển: 1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Hóa + (Sinh, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ) 2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Sinh + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)* 3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*

TT	Mã xét tuyển	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
					* Đối với nhóm tổ hợp 2;3 Thí sinh chỉ đủ điều kiện xét tuyển khi có học môn Hóa học trong chương trình THPT.
6	200	Dược học	7720201		<p><b>Xét điểm học bạ</b> tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong cả 3 năm học (lớp 10, 11, 12) THPT.</p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhóm tổ hợp 1: Toán + Hóa + (Sinh, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</li> <li>Nhóm tổ hợp 2: Toán + Sinh + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</li> <li>Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</li> </ol> <p>* Đối với nhóm tổ hợp 2;3 Thí sinh chỉ đủ điều kiện xét tuyển khi có học môn Hóa học trong chương trình THPT.</p>
7	402	Dược học	7720201		Xét điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM, ĐHQG Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội (tổ hợp 3 môn Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Ngoại ngữ) tổ chức năm 2026..
	411	Dược học	7720201		Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
	100	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	7720601	50	<p><b>Xét điểm thi TN THPT năm 2026</b></p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</li> <li>Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</li> <li>Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</li> </ol> <p>* Đối với nhóm tổ hợp 2;3, Thí sinh chỉ đủ điều kiện được xét tuyển khi có học môn Sinh trong chương trình THPT.</p>

TT	Mã xét tuyển	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
	200	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	7720601		<p><b>Xét điểm học bạ</b> tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong cả 3 năm học (lớp 10, 11, 12) THPT.</p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)*</p> <p>* Đối với nhóm tổ hợp 2;3 Thí sinh chỉ đủ điều kiện xét tuyển khi có học môn Sinh trong chương trình THPT.</p>
	402	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	7720601		Xét điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM, ĐHQG Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội (tổ hợp 3 môn Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Ngoại ngữ) tổ chức năm 2026..
	411	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	7720601		Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
8	100	Điều dưỡng	7720301	180	<p><b>Xét điểm thi TN THPT năm 2026</b></p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p>
9	200	Điều dưỡng	7720301		<p><b>Xét điểm học bạ</b> tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong cả 3 năm học (lớp 10, 11, 12) THPT.</p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p>

TT	Mã xét tuyển	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
					<p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p>
10	402	Điều dưỡng	7720301		Xét điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM, ĐHQG Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội (tổ hợp 3 môn Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Ngoại ngữ) tổ chức năm 2026.
	411	Điều dưỡng	7720301		Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
11	100	Y tế công cộng	7720701		<p><b>Xét điểm thi TN THPT năm 2026</b></p> <p>Tổ hợp xét tuyển:</p> <p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p>
				25	<p><b>Xét điểm học bạ</b> tổng điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển trong cả 3 năm học (lớp 10, 11, 12) THPT Tổ hợp xét tuyển:</p> <p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p>
12	200	Y tế công cộng	7720701		<p>1. Nhóm tổ hợp 1: Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>2. Nhóm tổ hợp 2: Toán + Hóa + (Lý, Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p> <p>3. Nhóm tổ hợp 3: Toán + Lý + (Tin học, Công nghệ, Ngoại ngữ)</p>
13	402	Y tế công cộng	7720701		Xét điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM, ĐHQG Hà Nội, ĐH Sư phạm Hà Nội (tổ hợp 3 môn Toán + Sinh + (Hóa, Lý, Ngoại ngữ) tổ chức năm 2026.

TT	Mã xét tuyển	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
	411	Y tế công cộng	7720701		Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài

### 5. Các thông tin cần thiết khác thí sinh cần biết khi đăng ký xét tuyển

- **Thí sinh tốt nghiệp là người Việt Nam và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương năm 2026:** Đối với đợt 1 (đợt chính): Thí sinh sử dụng tài khoản được Sở GD&ĐT cấp và đăng ký nộp hồ sơ xét tuyển theo hướng dẫn và kế hoạch tuyển sinh đại học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên hệ thống cổng thông tin <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn/>

- Thí sinh cần nhập đúng các thông tin về mã trường **BMU** và mã ngành theo quy định khi đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026**, đăng ký xét tuyển bằng các phương thức xét học bạ THPT, xét điểm bài thi ĐGNL phải nộp hồ sơ trực tiếp về trường để làm căn cứ xét tuyển.

**Thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài** đăng ký xét tuyển và thực hiện theo thông báo tuyển sinh đối với thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài, thông báo tuyển sinh sinh viên Quốc tế.

Thí sinh đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có) phải gửi hồ sơ đăng ký trực tiếp về Trường.

#### Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đăng ký xét tuyển theo mẫu (Thí sinh tải từ website: <https://bmu.edu.vn/>);
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và Học bạ THPT;
- Bản sao Phiếu điểm bài thi ĐGNL đối với thí sinh Xét điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG HCM hoặc ĐHQG Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.  
Số 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.  
Điện thoại: 02623. 986 688.

### 6. Tổ chức tuyển sinh

**6.1. Đợt 1 (đợt chính):** Xét tuyển theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thực hiện theo quy định và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2026.

- Hình thức đăng ký: Thí sinh đồng thời đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và đăng ký xét tuyển đại học bằng Phiếu đăng ký xét tuyển theo quy định của tại các điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (Trường THPT).

- Nhà trường công bố ngưỡng điểm nhận hồ sơ trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trang thông tin điện tử của Trường (Website: <https://bmu.edu.vn>) theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng tại Cổng thông tin tuyển sinh <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>

## **6.2. Đợt tuyển sinh bổ sung**

Căn cứ kết quả tuyển sinh sau đợt 1 (chính), trong trường hợp còn chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường sẽ thông báo chi tiết, cụ thể về chỉ tiêu, điều kiện và thời gian nhận hồ sơ các đợt xét tuyển bổ sung sau. Thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển bổ sung căn cứ vào thông báo để thực hiện đăng ký xét tuyển các đợt xét tuyển tại Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột qua website: <https://bmu.edu.vn> và nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trường.

## **7. Chính sách ưu tiên**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **8. Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.**

Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/nguyện vọng (theo quy định của Bộ GDĐT năm 2026)

Thí sinh lưu ý thực hiện nộp lệ phí xét tuyển đúng theo số NVĐK bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh**

- Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột cam kết thực hiện công tác tuyển sinh một cách công bằng, hợp pháp và đảm bảo quyền lợi cao nhất của thí sinh. Trong các trường hợp xảy ra tình huống đặc biệt sẽ tuân thủ và giải quyết theo Quy chế tuyển sinh đại học (*ban hành kèm Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/2/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) và các quy định pháp luật liên quan hiện hành.

- Đối với các tình huống thí sinh có khiếu nại, thắc mắc: Phòng Tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh nhà trường sẵn sàng đối thoại trực tiếp và giải quyết để đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh dự tuyển vào trường.

## **10. Học phí**

### **10.1 Mức học phí các ngành/chương trình đào tạo:**

- Ngành Y khoa: 32.500.000 đồng/học kỳ (01 năm gồm 02 học kỳ).
- Ngành Y khoa (Chương trình đào tạo tiếng Anh đối với sinh viên quốc tế): 2.500 USD/học kỳ (01 năm gồm 02 học kỳ).
- Ngành Y học Cổ truyền: 27.500.000 đồng/học kỳ (01 năm học có 02 học kỳ).
- Ngành Y Học Dự Phòng: 22.500.000 đồng/học kỳ (01 năm học có 02 học kỳ).
- Ngành Dược học: 20.000.000 đồng/học kỳ (01 năm học có 02 học kỳ).
- Ngành Kỹ thuật xét nghiệm: 17.500.000 đồng/học kỳ (01 năm học có 02 học kỳ).
- Ngành Điều dưỡng: 12.500.000 đồng/học kỳ (01 năm học có 02 học kỳ).
- Ngành Y tế công cộng: 10.000.000 đồng/học kỳ (01 năm học có 02 học kỳ).

### **10.2. Chính sách học phí:**

- Hỗ trợ học bổng toàn phần (100% học phí toàn khóa) đối với sinh viên trúng tuyển ngành Y tế công cộng nhập học.
- Nhà trường cam kết không tăng học phí trong toàn khóa học.
- Các chính sách tài trợ học bổng và hỗ trợ sinh viên khác được thực hiện theo quy định của Nhà trường..!./

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Ngành	Mã ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển quy đổi	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	100	Y khoa	7720101	Xét điểm thi THPT	650	506	22	400	465	24
2	200	Y khoa	7720101	Xét điểm học bạ THPT			25.28			25.25
3	402	Y khoa	7720101	Xét điểm bài thi ĐGNL ĐHQG HCM			880			700
4	411	Y khoa	7720101	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài			GPA6.5			GPA6.5
5	100	Dược học	7720201	Xét điểm thi THPT	180	113	19	180	124	21
6	200	Dược học	7720201	Xét điểm học bạ THPT			23.5			22
7	402	Dược học	7720201	Xét điểm bài thi ĐGNL ĐHQG HCM			760			600
8	100	Điều dưỡng	7720301	Xét điểm thi THPT	150	169	20.5	100	134	21
9	200	Điều dưỡng	7720301	Xét điểm học bạ THPT			24.39			21
10	402	Điều dưỡng	7720301	Xét điểm bài thi ĐGNL ĐHQG HCM			820			500
11	100	Y tế công cộng	7720701	Xét điểm thi THPT	25	23	16	25	8	16
12	200	Y tế công cộng	7720701	Xét điểm học bạ THPT			18			16
13	402	Y tế công cộng	7720701	Xét điểm bài thi ĐGNL ĐHQG HCM			500			500

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Cán bộ kê khai



Ths. Võ Hoàng Sơn

HIỆU TRƯỞNG




G.S.T.S. Cao Liên Đức



**PHỤ LỤC 1**  
**Bảng quy đổi điểm tương đương môn ngoại ngữ (thang điểm 10) sử dụng xét tuyển đại học chính quy năm 2026**

Điểm quy đổi	IELTS Academic	VSTEP (6 bậc VN)	Aptis ESOL	PTE Academic	Linguaskill	Cambridge English	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC 4 kỹ năng (L-R-S-W)
8.0	4.0-4.5	B1 (4.0-5.0)	B1 (80-120)	43-50	140-159	B1 Preliminary	45-50	450-499	550 (275-275-120-120)
8.5	5.0	B1+ (5.5)	121-134	51-55	160-166	B1 Preliminary Merit	51-59	500-520	300-300-140-140
9.0	5.5	B2 (6.0)	135-148	56-65	167-173	B2 First Grade C	60-78	521-560	325-325-160-160
9.5	6.0	B2 (6.5-7.0)	149-160	66-76	174-179	B2 First Grade B	79-93	561-600	350-350-180-180
10	≥6.5	≥B2 (≥7.5)	≥161	≥77	≥180	B2 First Grade A+	≥94	≥601	≥375-375-200-200

**Ghi chú:**

1. Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ căn cứ quy định tại Thông tư 13/2026/TT-BGDĐT (Tại Phụ lục 3 thông báo này).
2. Mức tối thiểu tương đương B1 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR).
3. Chứng chỉ phải còn thời hạn sử dụng tại thời điểm xét tuyển.
4. TOEIC yêu cầu đạt đồng thời cả 4 kỹ năng.
5. Đối với các môn ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh, nếu thí sinh có chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu (đủ điều kiện miễn thi theo quy định tại Phụ lục 1 của Bộ GD&ĐT), mức điểm quy đổi chung được áp dụng là 8.0 điểm.